

BÁO CÁO CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

Nội dung cập nhật chính

- ✓ Doanh thu và lợi nhuận nửa đầu năm 2010 đạt xấp xỉ 40% kế hoạch cả năm, tăng 136% và 247% so với cùng kỳ năm 2009. Do đặc điểm hoạt động kinh doanh, phần lớn doanh thu và lợi nhuận của TST tập trung vào 2 quý cuối năm (chiếm khoảng 80% tổng giá trị cả năm) nên doanh thu và lợi nhuận năm 2010 được dự báo sẽ còn nhiều đột biến;
- ✓ Trong quý II/2010, TST tăng tỷ lệ vốn góp thực tế vào Huawei – TST lên 51% và chính thức nắm quyền kiểm soát doanh nghiệp này. Hoạt động của Huawei – TST được kỳ vọng sẽ đóng góp 250 triệu doanh thu và 10 tỷ lợi nhuận vào doanh thu và lợi nhuận hợp nhất năm 2010 của TST.
- ✓ Cũng trong năm 2010, TST dự định thoái vốn khỏi công ty liên doanh VINA – OFC. Việc thoái 25% vốn cổ phần trong VINA – OFC có thể mang lại cho TST tối thiểu 10 tỷ đồng lợi nhuận. Hiện nay TST đang làm thủ tục rút tên khỏi danh sách cổ đông sáng lập của VINA – OFC.
- ✓ Hồ sơ đấu giá nhà đất tại 21 Đồng Nhân đã được bán từ ngày 15/8/2010. Theo thông tin từ công ty, giá đã được chốt ở mức 16 tỷ đồng. Do toàn bộ trụ sở này đã hết khấu hao nên phần lợi nhuận nói trên sẽ được ghi nhận gần như toàn bộ vào lợi nhuận hai quý cuối năm.
- ✓ Kế hoạch tăng vốn lên 50 tỷ thông qua hình thức bán đấu giá công khai 200.000 cổ phiếu đang được chuẩn bị thực hiện; Dự kiến công ty sẽ hoàn tất việc tăng vốn này trong năm 2010.

Kết quả định giá tóm tắt theo phương pháp P/E:

Mã	LN 4 Quý	EPS	P/E
CMT	21.947	2.743	10,32
CSG	30.513	1.097	9,39
LTC	7.799	3.120	21,64
ONE	6.445	1.973	6,34
POT	17.962	932	18,46
ST8	62.755	5.274	4,83
TST	18.896	3.937	7,16
UNI	20.225	2.364	9,43

P/E bình quân **11,44**

Với mức P/E bình quân ngành là 11,44, nếu dựa trên EPS lũy kế 4 quý là 3.937 đồng/cp, mức giá TST có thể đạt tới ngưỡng giá 45.041 đồng/cp. Mức giá hiện tại 28.200 đồng/cp đang ở vùng giá hấp dẫn, có độ an toàn trong đầu tư tương đối cao, nhà đầu tư có thể cân nhắc mua và nắm giữ trong khoảng thời gian từ 6 tháng đến một năm.

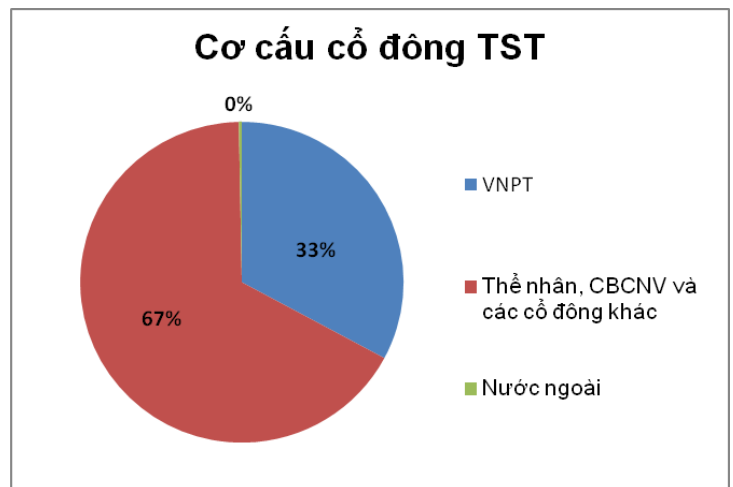
Số liệu thị trường tại ngày 01/10/2010

Vốn hóa TT (tỷ VND)	135,36	Giá hiện tại (VND)	28.200
KLGD BQ 30 ngày	77.923	Giá cao nhất 52 tuần	44.800
SLCP đang LH (triệu CP)	4,8	Giá thấp nhất 52 tuần	18.400
Vốn điều lệ (tỷ VND)	48	P/E 4 quý gần nhất (x)	7,16
EPS điều chỉnh (VND)	3.937	P/B 4 quý gần nhất (x)	0,99
Lãi cổ tức (%)	6,03%	% sở hữu nước ngoài	0,3%

Đồ thị giá cổ phiếu



Cơ cấu cổ đông TST tại ngày 01/10/2010



Trần Hằng Nga – ngath@fpts.com.vn

Phòng phân tích đầu tư

Các chuyên viên thực hiện báo cáo phân tích này không tham gia mua cổ phiếu của công ty được phân tích hay nắm giữ bất kỳ chứng khoán nào của các công ty cạnh tranh trong ngành. Các công bố quan trọng được trình bày ở cuối bản báo cáo này.

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- ✓ Hoạt động chính trong lĩnh vực Điện - Điện tử - Viễn thông – Tin học, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn Thông (TST) là công ty cổ phần trực thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam VNPT (với 32,8% cổ phần chi phối). Sau 7 năm kể từ ngày thành lập (năm 2000), ngày 13/12/2007 TST chính thức được niêm yết cổ phiếu trên HNX với tổng giá trị niêm yết 48 tỷ đồng.
 - ✓ Hoạt động kinh doanh của công ty tương đối đa dạng, tuy nhiên có thể xác định 5 nhóm hoạt động chính mang lại doanh thu cho công ty, bao gồm:
 - Bảo dưỡng, sửa chữa ứng cứu thông tin (thiết bị vi ba, thiết bị quang, thiết bị nguồn điện và chống sét, ADSL, trạm BTS...), đo kiểm (các trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng...)
 - Lắp đặt thiết bị (bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học...), trạm BTS
 - Xây lắp (hệ thống cáp quang, trạm BTS, cột ăng ten, cống bể trạm viễn thông...),
 - Tư vấn thiết kế (xây dựng, mở rộng, quy hoạch, phát triển, lắp đặt ...
 - Hoạt động thương mại (xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, phụ tùng, linh kiện... cho thuê tài sản hoạt động nhà trạm BTS...).
- Các lĩnh vực khác được cấp phép hoạt động bao gồm quản lý, đầu tư, kinh doanh khách sạn, nhà hàng; dịch vụ bất động sản; lữ hành nội địa và quốc tế; dịch vụ vận tải đường bộ, đường sắt, đường biển theo hợp đồng; đại lý kinh doanh dịch vụ vận tải đường hàng không.
- ✓ Với thị trường rộng khắp trên cả nước, khách hàng của TST là hệ thống các bưu điện ở 64 Tỉnh/Thành phố, từ Bắc đến Nam, các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông hàng đầu của Việt Nam, các công ty viễn thông lớn của nước ngoài đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam như: Vinaphone, Mobiphone, Viettel, Sài Gòn Telecom, Hanoi Telecom, Huawei, Công ty truyền tải điện I, Điện lực Hai Bà Trưng, Điện lực Thanh Xuân...
 - ✓ TST có nguồn cung cấp nguyên vật liệu, thiết bị và linh kiện ổn định từ các nhà cung cấp chiến lược, thân thiết trong nước và nước ngoài. Các linh kiện, thiết bị nhập khẩu thường được ký hợp đồng kỳ hạn bằng đồng Đô la Hồng Kông nên ảnh hưởng của biến động tỷ giá tới giá đầu vào gần như không đáng kể. Ngoài ra, công ty luôn có chiến lược đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ một cách đúng đắn, có chế độ đãi ngộ hợp lý cùng môi trường làm việc nhằm đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao, yếu tố hàng đầu quyết định sự thành công của một đơn vị hoạt động trong ngành dịch vụ.

CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

- ✓ TST hiện đang góp vốn đầu tư vào 4 công ty hoạt động trong lĩnh vực viễn thông. Danh sách các công ty con và công ty liên doanh, liên kết của TST tại thời điểm 30/06/2010 bao gồm:
 - Công ty Cổ phần Huawei – TST Việt Nam: Đến hết quý I/2010, tỷ lệ sở hữu thực tế của TST ở Huawei là 48,80%. Trong quý II/2010, công ty đã góp thêm vốn bằng tiền mặt vào Huawei nâng tỷ lệ sở hữu thực tế lên 51% (13.442.650.000 đồng) và chính thức nắm quyền kiểm soát doanh nghiệp này; Huawei – TST Việt Nam chuyên về lắp ráp thiết bị Switch và Main, là tổng đại lý của Tập đoàn Huawei Technologies tại Việt Nam với chỉ tiêu kế hoạch được giao mỗi năm hàng trăm tỷ đồng.
 - Công ty Cổ phần Cáp quang Việt Nam VINA – OFC: Theo kế hoạch VINA – OFC sẽ niêm yết trong năm 2010 và TST dự định sẽ thoái vốn khỏi VINA – OFC để đầu tư mua đất ở Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh. Hiện nay TST đang nắm giữ 2.227.473 cổ phần của VINA – OFC (tương đương 25% cổ phần) có tổng trị giá 14,14 tỷ đồng với mức giá vốn 6.348 đồng/CP; Với tư cách là cổ đông sáng lập nên muốn thoái vốn khỏi VINA – OFC, TST sẽ phải làm thủ tục rút tên khỏi danh sách cổ đông sáng lập của công ty này.
 - Đầu tư tài chính khác vào Công ty CP Cáp quang Việt Nam và Thiết bị bưu điện và Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng thông tin di động (MOBI-I) tương đương 6,56 tỷ đồng.
- ✓ Ngoài trụ sở chính tại số 4A, 4B, 4C Vương Thừa Vũ, quận Thanh Xuân, Hà Nội, Công ty còn có chi nhánh xí nghiệp tại các tỉnh thành Đà Nẵng, Cần Thơ, Tây Nguyên và TP. Hồ Chí Minh. Các khu đất thuộc sở hữu của công ty đều có vị trí đắc địa và lợi thế giá vốn thấp. Hiện công ty đã có kế hoạch chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bán đấu giá nhà ở 21 Đồng Nhân (bán hồ sơ đấu giá từ ngày 15/08/2010).

KẾ HOẠCH TĂNG VỐN – CHIA CỔ TỨC BẰNG TIỀN

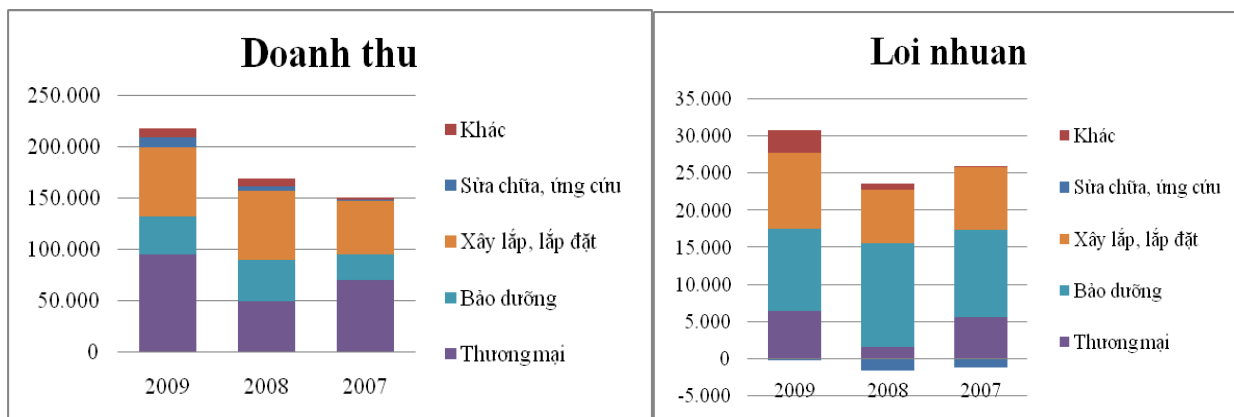
- ✓ Ngày 18/06/2010, TST đã thực hiện chia cổ tức năm 2009 bằng tiền mặt với tỷ lệ 17%/năm. Theo kế hoạch SXKD trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ Đông năm 2010, tỷ lệ trả lãi cổ tức năm 2010 được thông qua ở mức từ 15-17%/năm;
 - ✓ Công ty dự kiến sẽ tăng vốn lên 50 tỷ và hoàn tất việc tăng vốn này trong năm 2010. Hiện Công ty đang làm hồ sơ tăng vốn dưới hình thức chào bán đấu giá công khai 200.000 cổ phiếu.
-

BÁO CÁO TÀI CHÍNH & SO SÁNH

BC Lãi/(Lỗ) (triệu đồng)	1H 2010	2009	2008	Chỉ số tài chính	1H 2010	2009	2008
Doanh thu thuần	90,639	217,785	168,118	Doanh thu thuần (%)	136%	30%	12%
Lợi nhuận gộp	13,077	30,812	22,151	LN thuần biên (%)	247%	39%	-17%
Thu nhập tài chính	2,476	4,104	6,725	Vốn chủ sở hữu (%)	24%	3%	-5%
Chi phí tài chính	1,437	2,402	1,815	Tổng tài sản (%)	21%	21%	3%
Lợi nhuận thuần HĐKD	9,199	16,781	12,688	Lợi nhuận gộp biên 4 quý	12,49	14,15	13,18
Lợi nhuận trước thuế	9,086	16,641	12,258	Lợi nhuận thuần biên 4 quý	7,30	6,50	6,04
Thuế TNDN	1,597	2,491	2,103	ROA 4 quý gần nhất (%)	7,62%	6%	5%
Lợi nhuận sau thuế	7,489	14,150	10,155	ROE 4 quý gần nhất (%)	16,0%	13%	9%
Bảng CĐKT (triệu đồng)	30/06/2010	31/12/2009	31/12/2008	EPS cơ bản(VND)	3.937		
Tiền & tương đương tiền	9,525	11,505	15,115	Thanh toán hiện hành (x)	1,34	1,27	1,35
Phải thu ngắn hạn	109,707	146,965	109,330	Tổng vay chịu lãi/VCSH (x)	0,21	0,28	0,08
Hàng tồn kho	92,390	14,270	12,363	Tổng nợ/vốn CSH (x)	1,29	1,35	1,00
Tài sản ngắn hạn khác	24,073	15,269	8,002	DN so sánh ngày 01/10/2010	POT	CMT	UNI
Tài sản cố định &	56,863	37,412	35,877	GT vốn hoá TT (tỷ VND)	331,61	216,80	208,24
Đầu tư tài chính dài hạn	20,700	34,000	32,680	P/E 4 quý gần nhất (x)	6,34	10,32	9,43
Tài sản dài hạn khác	1,011	204	1,422	P/B (x)	1,17	2,03	1,71
TỔNG TÀI SẢN	314,270	259,626	214,788	ROA (%)	0,00%	0,01%	0,02%
Nợ ngắn hạn	176,397	148,225	107,111	ROE (%)	0,36%	2,58%	1,96%
Nợ dài hạn	781	797	253	EPS điều chỉnh (đồng)	931,65	2.743,33	2.364,13
Vốn chủ sở hữu	137,092	110,603	107,424	LN gộp biên (%)	13,23%	28,65%	13,91%
TỔNG NGUỒN VỐN	314,270	259,626	214,788	LN thuần biên (%)	0,89%	9,47%	19,69%
				Tỷ lệ TT hiện hành (x)	2,04	2,03	10,48
				Tổng nợ /VCSH (x)	0,69	0,68	0,08
				Sở hữu nước ngoài (%)	0,27%	0,01	3,51

TĂNG TRƯỞNG DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN

- ✓ Doanh thu nửa đầu năm 2010 đạt 90,64 tỷ đồng, tăng 136% so với cùng kỳ năm 2009 và đạt 36% kế hoạch cả năm. Lợi nhuận sau thuế đạt 7,5 tỷ đồng, tăng 247% so với cùng kỳ năm 2009 và đạt 44% kế hoạch cả năm. Đáng chú ý là trong quý II/2010 TST ghi nhận một khoản doanh thu hoạt động tài chính trị giá 2,43 tỷ đồng từ chênh lệch tỷ giá.
- ✓ Do phụ thuộc vào hoạt động chung của tập đoàn với nhiều dự án lớn được triển khai vào tháng 6, tháng 7 nên phần lớn doanh thu của TST cũng sẽ tập trung vào hai quý cuối năm (chiếm khoảng 80% doanh thu cả năm). Nửa đầu năm TST chủ yếu thực hiện hoạt động bảo dưỡng định kỳ trạm BTS cho toàn bộ hệ thống bưu điện 64 tỉnh thành, với doanh thu mỗi tỉnh ước tính khoảng 1 tỷ đồng. Ngoài ra TST còn cung cấp dịch vụ bảo dưỡng cho nhiều tập đoàn lớn, trong đó phải kể đến Vinaphone, Viettel (thiết bị viba, trạm BTS, thiết bị quang...).
- ✓ Cơ cấu doanh thu: Doanh thu thương mại chiếm tỷ trọng lớn nhất khoảng 45%, sau đó đến doanh thu xây lắp, lắp đặt (30-40%), doanh thu bảo dưỡng đứng thứ 3 với tỷ trọng khoảng 15-20% tổng doanh thu của công ty.



- ✓ Mặc dù đứng vị trí thứ 3 về mặt doanh thu, tuy nhiên bảo dưỡng lại là hoạt động mang lại lợi nhuận cao và ổn định nhất cho công ty với tỷ trọng bình quân từ 35-50%, sau đó đến hoạt động xây lắp (32-34%) và hoạt động thương mại (21-23%, riêng năm 2008, lợi nhuận thương mại chỉ chiếm 8% tổng lợi nhuận do

suy thoái kinh tế, nhu cầu mua sắm thiết bị viễn thông giảm mạnh). Tuy nhiên do tăng trưởng theo chu kỳ kinh tế nên hoạt động thương mại luôn tiềm ẩn những yếu tố đột biến và là hạt nhân thúc đẩy sự phát triển của các hoạt động khác trong công ty như bảo dưỡng, lắp đặt, xây lắp và thiết kế... Ngoài ra TST còn có lợi thế về nguồn cung cấp hàng hóa dồi dào, ổn định, tránh được những ảnh hưởng do biến động tỷ giá mang lại (TST ký hợp đồng kỳ hạn mua linh kiện thiết bị bằng đồng Đô la Hồng Kông), do vậy nền kinh tế đang trong giai đoạn phục hồi và trên đà tăng trưởng hứa hẹn sẽ đem lại nhiều hợp đồng lớn cho TST trong tương lai.

- ✓ Phân tích cơ cấu doanh thu qua các năm có thể thấy sự chuyển dịch cơ cấu dịch vụ theo hướng tăng dần các hoạt động thương mại, giảm dần xây lắp dù hoạt động này đóng góp đáng kể vào doanh thu và lợi nhuận của công ty. Lý do chủ yếu là hoạt động xây lắp chịu ảnh hưởng của thời gian thi công kéo dài, vốn thu hồi chậm (hàng năm, hoạt động này đóng góp khoảng 50-60 tỷ doanh thu cho TST).
- ✓ Lợi nhuận năm 2010 có thể giảm nhẹ do TST không còn được hưởng ưu đãi thuế như các năm trước (miễn thuế GTGT với hàng nhập khẩu và giảm 50% thuế TNDN), tuy nhiên sẽ vẫn vượt con số kế hoạch do một số khoản lợi nhuận đột biến có thể mang lại:
 - Lợi nhuận thu được từ việc bán nhà 21 Đồng Nhân. Theo thông tin từ phía công ty, giá bán đã được chốt ở mức 16 tỷ đồng. Trữ sở này đã hết khấu hao nên khoản tiền này có thể hạch toán gần hết vào lợi nhuận;
 - Lợi nhuận hợp nhất của công ty con Huawei – TST ước tính khoảng 10 tỷ; Doanh thu năm 2010 của Huawei - TST Việt Nam khoảng 250 tỷ;
 - Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh nửa cuối năm 2010: lợi nhuận Quý 3 đã đạt 7 tỷ, bằng lợi nhuận hai quý đầu năm 2010 cộng lại. Lợi nhuận Quý 4 dự kiến cũng sẽ khả quan;
 - Lợi nhuận thu được sau khi thoái vốn thành công khỏi VINA-OFC. Do sở hữu cổ phiếu ở mức giá thấp hơn nhiều so với mệnh giá, việc thoái vốn khỏi VINA-OFC sẽ mang lại khoản lợi nhuận chênh lệch tối thiểu từ 8-10 tỷ đồng.

TĂNG TRƯỞNG TÀI SẢN VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

- ✓ So với thời điểm 31/12/2009, tổng tài sản tại thời điểm 30/06/2010 đạt 314 tỷ, tăng 21% tương đương tốc độ tăng trưởng tài sản của cả năm 2009. Tài sản tăng chủ yếu do hàng tồn kho tăng 78 tỷ (547%) và hơn 20 tỷ tài sản cố định mua thêm trong nửa đầu năm 2010 (tăng 50%).
- ✓ Các hệ số về hiệu quả hoạt động của TST đều tốt. Xu hướng tăng dần qua các năm của vòng quay tổng tài sản và vòng quay hàng tồn kho cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản và khả năng quản trị hàng tồn kho của công ty ngày càng được cải thiện. Riêng trong nửa đầu năm 2010, vòng quay hàng tồn kho giảm mạnh do dự trữ cuối quý II tăng đột biến nhằm phục vụ cho các hợp đồng lớn đang thực hiện trong quý II và chủ yếu là các hợp đồng sẽ thực hiện trong nửa cuối năm 2010.
- ✓ Các khoản phải thu ngắn hạn thường chiếm 50% trong tổng tài sản của công ty. Việc tỷ trọng này giảm xuống còn 35% cùng với sự tăng trở lại của hệ số vòng quay các khoản phải thu trong nửa đầu năm 2010 (xu hướng giảm từ năm 2007 đến 2009) một mặt cho thấy khả năng kiểm soát và thu hồi nợ ngày càng được cải thiện, mặt khác cho thấy sự chủ động của doanh nghiệp trong việc tài trợ nguồn vốn lưu động trong sản xuất. Do đặc điểm hoạt động của TST, khoản phải thu có xu hướng tăng vào cuối năm. Tuy nhiên dòng tiền của công ty cũng sẽ không chịu nhiều ảnh hưởng do các khoản phải trả cũng tăng với tốc độ tương đương hoặc lớn hơn.
- ✓ ROA tăng từ 5% (2008) lên 6% (2009) và đạt 7,62% trong nửa đầu năm 2010; ROE tăng từ 9% (2008) lên 13% (2009) và đạt 16% trong nửa đầu năm 2010. Tốc độ tăng trưởng nhanh của ROA và ROE qua các năm cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản và vốn chủ sở hữu của công ty ngày càng cải thiện, gia tăng giá trị và mở rộng quy mô cho doanh nghiệp,

SỬ DỤNG ĐÒN BAY TÀI CHÍNH

Cơ cấu nợ	30/06/2010	Nợ/Vốn CSH	Nợ/Tổng Nguồn vốn
Nợ ngắn hạn	176,397	1.29	0.56
- Nợ ngắn hạn chịu lãi	28,780	0.21	0.09
Nợ dài hạn	781	0.01	0.00
- Nợ dài hạn chịu lãi	200	0.001	0.0006
Tổng nợ	177,178	1.29	0.56
Nguồn vốn chủ sở hữu	137,092		
Tổng nguồn vốn	314,270		

- ✓ Tỷ lệ nợ trên vốn CSH và tổng nguồn vốn của TST tại thời điểm 30/06/2010 được duy trì ở mức tương đối cao (1.29 và 0.56 lần). Tuy nhiên qua phân tích cơ cấu nợ có thể thấy nợ vay chịu lãi chiếm tỷ trọng nhỏ so với tổng nợ của cả doanh nghiệp, cụ thể nợ ngắn hạn và dài hạn chịu lãi chỉ chiếm 16% tổng nợ, 21% vốn CSH và 9% tổng nguồn vốn. Số dư nợ ngắn hạn tại thời điểm cuối quý II/2010 tăng hơn 28 tỷ (tương đương 19%) phần lớn là nợ phải trả nhà cung cấp vật tư thiết bị phục vụ hợp đồng triển khai lắp đặt hệ thống 3G đầu năm. Cơ cấu vốn này giúp doanh nghiệp hạn chế ảnh hưởng biến động của chi phí lãi vay, đảm bảo sự ổn định cho hoạt động kinh doanh và cho thấy khả năng chiếm dụng vốn của doanh nghiệp.

ĐỊNH GIÁ THEO PHƯƠNG PHÁP P/E – P/B

- ✓ Theo phương pháp định giá này, TST được so sánh với các doanh nghiệp trong cùng ngành Phần cứng và Thiết bị phần cứng. Số liệu thống kê chi tiết cho các doanh nghiệp được đưa vào mẫu so sánh cụ thể như sau:

Mã so sánh	Sàn	Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	Số lượng cp đang lưu hành bình quân	Giá cổ phiếu tại ngày 01/10/2010	P/E	P/BV
CMT	HOSE	216,80	8.000.000	28.300	10,32	2,03
CSG	HOSE	275,75	27.809.315	10.300	9,39	0,57
LTC	HNX	168,75	2.500.000	67.500	21,64	2,76
ONE	HNX	46,27	3.266.702	12.500	6,34	1,01
POT	HNX	331,61	19.279.660	17.200	18,46	1,17
ST8	HOSE	303,37	11.897.846	25.500	4,83	1,32
TST	HNX	135,36	4.800.000	28.200	7,16	0,99
UNI	HNX	208,24	8.554.851	22.300	9,43	1,71
Bình quân ngành					11,44	1,42
Giá trị định giá					45.041	40.455

- ✓ So với các doanh nghiệp trong ngành và so với mức bình quân ngành, P/E và P/BV của TST đang ở mức tương đối thấp 7,16 và 0,99. Giá định với mức PE và PBV bằng trung bình ngành, giá trị hợp lý của TST được xác định trong khoảng từ 40.455 đồng/cp đến 45.041 đồng/cổ phiếu. Với mức giá 28.200 đồng/cổ phiếu tại ngày 01/10/2010, kết hợp cùng những tiềm năng tăng trưởng cuối năm của TST và tiềm năng tăng trưởng của ngành viễn thông Việt Nam trong năm 2011, mức giá được xác định ở trên là hoàn toàn có thể đạt được. Do vậy, nhà đầu tư có thể cân nhắc mua vào dần và nắm giữ trong khoảng thời gian từ 6 tháng đến 12 tháng.

Tuyên bố miễn trách nhiệm

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi FPTSC dựa vào các nguồn thông tin mà FPTSC coi là đáng tin cậy. Có sẵn và mang tính hợp pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích FPTSC. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

FPTSC có thể dựa vào các thông tin trong báo cáo này và các thông tin khác để ra quyết định đầu tư của mình mà không bị phụ thuộc vào bất kỳ ràng buộc nào về mặt pháp lý đối với các thông tin đưa ra.

Các thông tin có liên quan đến các chứng khoán khác hoặc các thông tin chi tiết liên quan đến cổ phiếu này có thể được xem tại <http://ezsearch.fpts.com.vn> hoặc sẽ được cung cấp khi có yêu cầu chính thức.

Bản quyền © 2010 Công ty chứng khoán FPT

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Trụ sở chính

Tầng 2 – Tòa nhà 71 Nguyễn Chí Thanh
Quận Đống Đa - Hà Nội - Việt Nam
ĐT: (84.4) 3 773 7070 / 271 7171
Fax: (84.4) 3 773 9058

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Chi nhánh Tp. Đà Nẵng

124 Nguyễn Thị Minh Khai – Quận Hải Châu
Tp. Đà Nẵng - Việt Nam
ĐT: (84.511) 3553 666
Fax: (84.511) 3553 888

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

29-31 Nguyễn Công Trứ - Phường Nguyễn Thái Bình
Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam
ĐT: (84.8) 6 290 8686
Fax: (84.8) 6 291 0607